

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng

a. Thành lập:

- Tiền thân của Công ty là Hãng gạch Đồi Tân được thành lập năm 1958. Sản phẩm của Hãng chủ yếu lúc đó là gạch bông với công suất là 500.000 viên/năm.

- Năm 1975, Hãng gạch được Nhà nước tiếp quản và tiếp tục duy trì phát triển, đầu tư đổi mới thiết bị, cải tạo nhà xưởng với tên mới là Xí nghiệp Gạch bông Số 1. Đến năm 1992, năng lực sản xuất của Xí nghiệp đạt 3.600.000 viên/năm với lực lượng lao động là 400 người. Doanh thu đạt trên 11,9 tỷ đồng.

- Tháng 2 năm 1993, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty gạch bông và đá ốp lát số 1, thuộc LHCXN vật liệu xây dựng số 1, trực thuộc Bộ Xây dựng theo Quyết định số 033A/BXD-TCLĐ, có trụ sở chính tại số 927 Trần Hưng Đạo, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

- Năm 1995, dự án đầu tư đã được Nhà nước phê duyệt, Công ty giải thể phân xưởng gạch bông tại Quận Tân Bình để đầu tư xây dựng cơ bản và lắp đặt thiết bị công nghệ sản xuất gạch ceramic của Italy có công suất thiết kế là 1.000.000 m²/năm với tổng vốn đầu tư trên 65 tỷ đồng.

- Tháng 5 năm 2000, Công ty Gạch bông và đá ốp lát số 1 được đổi tên thành Công ty gạch ốp lát số 1 theo Quyết định số 722/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tháng 6 năm 2000, Công ty được Tổng Công ty VLXD số 1 và Bộ Xây dựng cho phép đầu tư dây chuyền sản xuất gạch ceramic số 2 với tổng giá trị đầu tư là 40 tỷ đồng, nâng công suất lên 2.000.000 m²/năm.

- Năm 2001 và 2003, Công ty liên tiếp đầu tư mở rộng thêm 2 dây chuyền sản xuất gạch ceramic là dây chuyền 3 và dây chuyền 4 để đa dạng hoá sản phẩm với công suất 2.400.000 m²/năm có tổng vốn đầu tư là 104 tỷ đồng, nâng tổng công suất của Nhà máy lên 4.400.000 m²/năm.

- Tháng 7 năm 2004, Công ty tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất gạch ceramic số 5, công suất 2.000.000 m²/năm và nâng công suất toàn Công ty lên gần 6.500.000 m²/năm trong năm 2005.

- Năm 2008, căn cứ vào chủ trương của UBND TP.HCM di dời các Nhà máy đóng trên địa bàn Thành phố ra khu công nghiệp tập trung và thực hiện quy hoạch mở rộng kênh Tham Lương, Công ty đã thực hiện di dời dây chuyền 1 & 2 tại Nhà máy Tân Bình lên Bình Dương. Đến tháng 06/2009, dây chuyền 1 & 2 đã hoàn tất lắp đặt và đi vào sản xuất lại.

b. Cổ phần hóa:

- Tháng 12 năm 2004, Công ty được cổ phần hoá theo Quyết định số 2007/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký ngày 16 tháng 12 năm 2004. Công ty được cấp phép hoạt động và đổi tên thành Công ty Cổ phần VITALY từ ngày 06 tháng 01 năm 2005.

c. Niêm yết

- Ngày 11 tháng 12 năm 2006, VITALY nhận được giấy phép niêm yết số 111/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và chính thức lên sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 29/12/2006.

- Ngày 14/07/2009, Công ty thông báo đến quý cổ đông về việc hủy niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) và đồng thời chuyển niêm yết ra Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HASTC). Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM đã có quyết định số 67/QĐ-SGDHCM về việc hủy niêm yết. Công ty chuyển sang niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/07/2009.

d. Quá trình tăng vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ năm 2004 sau khi cổ phần hóa: 40.000.000.000 đồng
- Năm 2007: Công ty phát hành tăng vốn thêm 20.000.000.000 đồng theo giấy chứng nhận số 181/UBCK-GCN ngày 26/09/2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Số cổ phiếu phát hành thêm được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/01/2008 theo Quyết định số 14/QĐ-SGDHCM.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty là: 60.000.000.000 đồng.

2. Quá trình phát triển**a. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nhà ở;
- Môi giới bất động sản;
- Tư vấn bất động sản;
- Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, dây chuyền công nghệ thuộc lĩnh vực xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Cho thuê nhà.

Tuy được cấp phép nhiều ngành nghề, song cho đến nay Công ty chỉ tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng.

b. Tình hình hoạt động:

Trải qua 33 năm hoạt động, Công ty đã không ngừng phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu trên lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng. Hiện nay Công ty có 5 dây chuyền sản xuất gạch ốp, lát ceramic đặt tại Bình Chuẩn, Thuận An, Bình Dương.

Thị trường của VITALY tập trung chính ở khu vực Miền Nam. Ngoài ra, Công ty còn tăng cường xuất khẩu ở các nước như Thái Lan, Srilanka, Yemen, Campuchia Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty đã khẳng định được thương hiệu VITALY trên khắp các thị trường trong và ngoài nước. Sản phẩm của Công ty luôn được khách hàng bình chọn là “Hàng Việt Nam chất lượng cao” từ năm 1998 đến nay.

NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Năm 1998, được Nhà nước tặng thưởng “Huân chương lao động hạng ba”
- Năm 1998, được tặng thưởng “Huân chương lao động hạng nhì” về thành tích hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển đơn vị.
- Năm 2000, được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lao động” về thành tích đạt được trong quá trình 10 năm đổi mới và phát triển của đơn vị.
- Từ năm 2000 đến nay, liên tục được Bộ Xây dựng tặng bằng khen và cờ thi đua xuất sắc.
- Năm 2003, được tặng thưởng “Huân chương Lao động hạng ba” cho Công Đoàn công ty.

3. Định hướng phát triển:

a. Các mục tiêu chủ yếu:

- Phát triển ổn định, bền vững, bảo toàn vốn, định hướng phát triển lâu dài là ưu tiên hàng đầu.
- Duy trì tình hình tài chính công khai, minh bạch, chính xác và đúng luật.
- Định hướng đào tạo nhân sự mạnh, trung thành, năng động và hiệu quả.
- Tối đa hóa lợi ích cho cổ đông kết hợp với việc chăm sóc quyền lợi chính đáng cho công nhân lao động.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới kết hợp với việc nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao cho khách hàng.
- Phát huy hết năng lực đa ngành, đa nghề theo giấy phép kinh doanh.
- Thực hiện trách nhiệm một cách nghiêm túc với luật pháp, xã hội, môi trường và người lao động.
- Góp phần làm gia tăng ngân sách quốc gia.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý; cân đối linh hoạt nhu cầu vốn kinh doanh sao cho chi phí vốn thấp nhất nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh trong năm 2010 và những năm tiếp theo.
- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy khối văn phòng và sản xuất trên tinh thần cơ cấu hợp lý về lao động giữa các phòng nghiệp vụ và điều hành nhà máy đảm bảo quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với mục tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập người lao động tăng trưởng ổn định.
- Đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh nhằm củng cố và nâng cao vị thế hiện có của Công ty trên thị trường.
- Tiếp tục phát huy lợi thế xuất khẩu trực tiếp, nâng cao kim ngạch xuất khẩu

- Tiếp tục triển khai các bước còn lại về mặt thủ tục pháp lý để sớm chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại trụ sở chính của Công ty cũng như phát huy hết năng lực kinh doanh đa ngành đa nghề theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

c. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Trước tình hình thực tế của thị trường gạch men, dòng sản phẩm giá rẻ vẫn đang áp đảo về mặt số lượng và cạnh tranh thật khốc liệt. Trong điều kiện Công ty bị thiếu vốn hoạt động, để có thể tồn tại và đứng được trên thị trường, Công ty mạnh dạn nghiên cứu đưa ra thị trường dòng sản phẩm có giá cạnh tranh, kêu gọi các đại lý lớn của Công ty trước đây và mời gọi thêm một số các đại lý khác có tiềm lực mạnh để hỗ trợ vốn cho Công ty với mục đích sản xuất và đưa ra thị trường dòng sản phẩm mới này.

Song song với dòng sản phẩm giá cạnh tranh trong nước, Công ty cũng sẽ duy trì dòng sản phẩm cấp trung để xuất khẩu đi các nước: Thái lan, Campuchia, Yemen... Cùng với việc tăng sản lượng tiêu thụ công ty cũng cần đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất thêm các loại gạch ốp cao cấp với nhiều nhóm kích thước khác nhau như: 25x40cm, 30x45cm, 25x25cm, 60x60cm...có mài cạnh.

Triển khai thực hiện Dự án khu phức hợp nhà cao cấp và văn phòng làm việc VITALY tại số 2/34 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. HCM

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tổ chức

Mặc dù đây là năm cuối của nhiệm kỳ 2005-2010, nhưng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 đã thay thế và bầu mới 3 thành viên HĐQT. Số thành viên HĐQT là 5 người.

Các thành viên HĐQT đã được phân công đảm nhận các công việc theo biên bản họp HĐQT ngày 16/ 4/ 2009.

2. Hoạt động

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo qui định nhằm giúp Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Cụ thể:

- Về công tác nhân sự: Phê duyệt việc sắp xếp lại nhân sự trong Ban điều hành, bộ phận quản lý để kiện toàn tổ chức như thay thế hai Phó Tổng GD, thay thế Kế toán trưởng xin nghỉ việc vì lý do sức khỏe.
- Về công tác sản xuất kinh doanh: Dừng có thời hạn để sửa chữa máy móc thiết bị nhằm khắc phục chất lượng sản phẩm ngày càng giảm sút do máy móc hư hỏng; sản phẩm làm ra chậm tiêu thụ. Thời gian hoạt động của các dây chuyền không liên tục do khó khăn
 - + Tạm ngừng sản xuất DC 1, 2 từ đầu năm đến 30/6 và từ 01/9-31/12/09.
 - + Tạm ngừng sản xuất DC 3, 4 đến từ 01/9-31/10/09.
 - + Dây chuyền số 5 dừng sản xuất hết năm 2009
- Giảm giá một số hàng tồn kho có chất lượng xấu để bán nhằm thu hồi vốn cho sản xuất đang thiếu hụt trầm trọng.
- Về dự án 2/34 Phan Huy Ích: Tiếp tục việc xin các cấp chính quyền thành phố phê duyệt dự án khu phức hợp nhà cao cấp và văn phòng làm việc.

B. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2009

Năm 2009 hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do suy thoái và sự cạnh tranh quyết liệt về sản phẩm trên thị trường.

Thêm vào đó, Công ty đã mất cân đối trầm trọng về vốn: tồn kho nguyên liệu bất hợp lý, mất khả năng trả nợ cho nhiều nhà cung cấp vật tư... đã làm cho HĐQT và Ban điều hành (mới) không thể xây dựng kế hoạch SXKD năm 2009 cho phù hợp và sát thực tế để trình ĐH đồng cổ đông phê duyệt lại (sau khi ĐH cổ đông đã không phê duyệt kế hoạch SXKD được đề trình tại đại hội).

Mặc dù Công ty đã hết sức nỗ lực nhưng doanh thu năm 2009 chỉ bằng 54,17% so với năm 2008 và lỗ 34,564 tỷ đồng. HĐQT nhất trí với những phân tích, đánh giá của Ban điều hành trong Báo cáo kết quả SXKD năm 2009.

HĐQT nhận thấy: Trong năm 2009, HĐQT đã không đề ra được định hướng, giải pháp cụ thể để chỉ đạo Ban điều hành khi giải quyết một số khó khăn trong SXKD như thiếu vốn, vấn đề nợ... Qua đó, tập thể Hội đồng quản trị tự nhận “không hoàn thành công việc” của mình do ĐH cổ đông đã giao trong năm 2009.

C. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2010

HĐQT và Ban điều hành Công ty đã thống nhất về kế hoạch SXKD năm 2010 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

- + Sản lượng sản xuất: 3.720.000 m²
- + Về chất lượng sản phẩm: Loại 1: 70%; Loại 2: 15%; Loại 3: 15%
- + Sản lượng tiêu thụ: 3.920.000 m²
- + Doanh thu (chưa VAT): 176.253 triệu đồng.
- + Lỗ (trước thuế) dự kiến: 17.419 triệu đồng (không chia cổ tức trong năm 2010).

Để có thể giảm số lỗ dự kiến trong năm 2010, HĐQT và Ban điều hành sẽ nỗ lực tìm giải pháp để Công ty tồn tại, ổn định chất lượng, mở rộng thị trường, đưa 4 dây chuyền sản xuất (1,2,3 và 4) hoạt động trở lại bằng các dòng sản phẩm mà thị trường đang cần nhằm tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ để giảm chi phí (nhất là chi phí lãi vay và khấu hao) trên một đơn vị sản phẩm. Riêng dây chuyền số 5 (nhà xưởng và MMTB), Công ty sẽ cho TCT VLXD số 1 thuê trong thời hạn 5 năm để TCT VLXD số 1 phục hồi đưa dây chuyền này vào hoạt động trở lại.

Về dự án 2/34 Phan Huy Ích: Tiếp tục triển khai, hợp tác với Tổng Công ty VLXD số 1 để thành lập công ty cổ phần, trong đó CTCP VITALY góp 5% vốn điều lệ. Đồng thời TCT VLXD số 1 sẽ trả cho CTCP VITALY một khoản tiền về lợi thế có được trong việc khai thác khu đất này.

HĐQT đề nghị quý cổ đông chấp thuận cho Công ty CP VITALY được hợp tác với TCT VLXD số 1 trong việc cho thuê dây chuyền số 5 và trong việc khai thác khu đất 2/34 Phan Huy Ích. Đồng thời chấp thuận giao cho HĐQT được quyết định chi tiết hợp đồng sẽ ký kết với TCT VLXD số 1 trên cơ sở phù hợp với luật pháp và lợi ích của Công ty.

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	27,24	28,32
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	72,76	71,68

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	89,06	76,86
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	10,94	23,14
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,31	0,37
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,40	0,53
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,003	0,014
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	-37,66	-2,85
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	-38,81	-2,85
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	-11,60	-1,64
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	-11,96	-1,64
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	-110,11	-7,07

- Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản giảm, ngược lại tài sản dài hạn /tổng tài sản tăng tương ứng 1,08%. Điều này cho thấy, Công ty vẫn phải dùng vốn ngắn hạn đầu tư cho tài sản dài hạn trong điều kiện vốn lưu động bị mất cân đối (dự án đầu tư dây chuyền 1, 2 còn dở dang từ năm trước đang đi vào hoàn thiện).

Khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi từ những năm tài chính trước khi xác định khách hàng không có khả năng thanh toán (chiếm 24% tổng nợ phải thu khách hàng) cũng làm Công ty mất đi một khoản thu ngắn hạn và việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phần giá trị tổn thất do giá bán sản phẩm đang có chiều hướng giảm làm giảm giá trị tài sản ngắn hạn của Công ty.

- Nợ phải trả/tổng nguồn vốn tăng 12% so với năm 2008. Năm 2009, Công ty được Tổng Công ty VLXD Số 1 hỗ trợ cho vay 19 tỉ đồng để bổ sung vốn lưu động bị thiếu, đồng thời giúp Công ty khôi phục, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại. Bên cạnh đó, chiếm dụng vốn trong thanh toán cũng làm tăng khoản nợ phải trả trong năm 2009.

- Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn giảm, điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không hiệu quả, đã làm giảm vốn chủ sở hữu.

- Các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty đều giảm, như vậy Công ty sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc thanh toán nợ. Tính hoạt động liên tục của Công ty sẽ bị ảnh hưởng trong trường hợp nợ ngắn hạn đến hạn trả Công ty có thể không có đủ tài sản ngắn hạn để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Tỷ suất sinh lời của Công ty năm nay giảm rất nhiều so với năm trước. Công ty chưa khắc phục vượt qua khó khăn cùng với con lốc suy giảm nền kinh tế. Mặt khác, kết quả kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi các chi phí ẩn từ những năm tài chính trước được ghi nhận trong năm nay như chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi, chi phí đền bù kênh Tham Lương, lỗ bán nguyên liệu than cám....

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2008	Thực hiện năm 2009	Tăng/giảm (%)	
						Kế hoạch	Thực hiện
A	Sản lượng SX-TT						
	Sản lượng sản xuất	M2	4.220.000	2.757.795	1.769.983	-58%	-36%
	Sản lượng tiêu thụ	“	4.300.000	2.826.567	1.626.707	-62%	-42%
C	Giá thành bình quân	Đ/m2	49.331	53.518	55.255	12%	3%
B	Giá bán bình quân	“	54.777	58.693	54.875	0,2%	-7%
D	Kết quả kinh doanh						
1	DT bán hàng và cung cấp DV	Tr.đ	235.542	166.712	90.311	-62%	-46%
2	Các khoản giảm trừ	“	-	1.174	1.261	-	7%
3	Doanh thu thuần bán hàng	“	235.542	165.538	89.050	-62%	-46%
4	Giá vốn hàng bán	“	213.870	147.752	101.230	-53%	-31%
5	Lợi nhuận gộp	“	21.672	17.786	-12.180	-156%	-168%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	“	15	1.198	1.398	9.220%	17%
7	Chi phí tài chính	“	13.537	18.518	14.195	5%	-23%
8	Chi phí bán hàng	“	3.723	3.489	2.548	-32%	-27%
9	Chi phí quản lý	“	3.427	3.024	9.031	164%	199%
10	Lợi nhuận từ SXKD	“	1.000	-6.047	-36.556	-3.756%	505%
11	Thu nhập khác	"	-	19.183	4.953	-	-74%
12	Chi phí khác	"	-	17.850	1.931	-	-89%
13	Lợi nhuận khác	"	-	1.333	3.023	-	127%
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	"	1.000	-4.714	-33.533	-3.453%	611%
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	"		-	1.031	-	-
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	"		-4.714	-34.564		633%

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009 của Công ty giảm rất nhiều so với năm 2008 và không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Cụ thể như sau:

1/ Về sản lượng sản xuất và chất lượng sản phẩm:

Công ty cho dây chuyền 3, 4 hoạt động lại từ cuối tháng 2 sau gần 4 tháng ngừng sản xuất (từ tháng 11 năm 2008). Lúc này, sản lượng sản xuất của 2 dây chuyền vẫn chưa đạt công suất thiết kế do máy móc ngừng hoạt động lâu, hư hỏng nhiều, song song đó là chất lượng thấp với tỷ lệ loại 2, loại 3 cao.

Dây chuyền 1, 2 đang trong giai đoạn lắp đặt hoàn chỉnh do di dời và cho chạy thử lần lượt từng dây chuyền vào giai đoạn từ cuối tháng 4 đến tháng 6 trong năm. Là loại tài sản cũ được nâng cấp, tỷ lệ chất lượng và sản lượng của 2 dây chuyền này vẫn còn thấp do vừa hoạt

động vừa phải điều chỉnh một số công đoạn để máy móc thiết bị trở về ổn định như máy móc thiết bị đầu tư mới.

Thời điểm đầu quý 2, gạch ốp lát Trung Quốc tràn ngập thị trường Việt Nam với nhiều chủng loại từ cao cấp đến hàng kém chất lượng. Lúc này, sản phẩm gạch trong nước cạnh tranh gay gắt, các doanh nghiệp đua nhau giảm giá, sản phẩm của Công ty không tiêu thụ được bắt buộc Công ty phải cho ngừng sản xuất các dây chuyền vào tháng 9, 10, 11 để giải phóng lượng hàng tồn kho và sửa chữa, bảo trì máy móc thiết bị.

Do không đủ vốn để mua nguyên liệu, vật tư đáp ứng cho toàn bộ các dây chuyền hoạt động. Mặt khác, khi ngừng sản xuất, sản phẩm của Công ty bán ra chủ yếu là hàng tồn kho. Tháng 12, Công ty quyết định cho dây chuyền 3, 4 chạy lại để cung cấp thêm mẫu mới và khôi phục dần lại thị trường tiêu thụ đã bị thu hẹp.

Riêng dây chuyền 5 Công ty cho dừng sản xuất cả năm khi xét thấy thị trường tiêu thụ chậm, vốn sản xuất thiếu.

Từ những yếu tố tác động trên, sản lượng sản xuất của Công ty chỉ đạt 1.769.983 m², giảm 36% so với năm 2008 và giảm 58% so với kế hoạch.

2/ Về sản lượng tiêu thụ và doanh thu:

Sản lượng tiêu thụ giảm 42% so với năm 2008 và giảm 62% so với kế hoạch, doanh thu giảm tương ứng với sản lượng tiêu thụ. Nguyên nhân:

Nền kinh tế suy giảm, thị trường tiêu thụ gạch men giảm sút, các doanh nghiệp sản xuất gạch ceramic trong nước cạnh tranh quyết liệt để đứng vững và tồn tại. Gạch ốp lát ngoài thị trường giảm giá khá mạnh (từ 3.000 – 6.000 đồng/m²) nhưng vẫn gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ bởi phải cạnh tranh khá gay gắt với các sản phẩm nhập ngoại, liên doanh.

Đôi mặt với muôn vàn khó khăn khi vốn lưu động bị mất cân đối, hàng hóa tồn kho, mạng lưới phân phối sản phẩm bị tê liệt, Công ty phải áp dụng giảm giá bán hàng tồn kho để thu hồi vốn ứ đọng. Bên cạnh đó, trên thị trường còn có dòng sản phẩm cấp thấp với giá mềm được người tiêu dùng lựa chọn đã làm dòng sản phẩm cấp trung và cấp cao bị ảnh hưởng bởi sức mua và giá bán. Công ty đành chấp nhận giảm giá bán theo thị trường và nghiên cứu chạy thử dòng sản phẩm mới này.

Song song đó, trong thời gian dừng sản xuất (tháng 10 và tháng 11), Công ty đã phân loại lại gạch tồn kho chủ yếu bị sai lệch kích thước, cong, lệch màu, nứt, mờ, ... mà trong quá trình sản xuất đã không phân loại đúng theo tiêu chuẩn qui định để giao cho khách hàng. Giá trị thiệt hại sau khi phân loại làm giảm giá bán khoảng 250 triệu đồng (trong đó có khoảng 50 triệu đồng gạch tồn kho sản xuất từ năm 2008 trở về trước).

Giá bán bình quân trong năm giảm 3.818 đồng/m² so với năm 2008. So sánh với giá bán năm trước, doanh thu giảm 6,2 tỉ đồng trên sản lượng thực hiện trong năm.

3/ Các khoản giảm trừ doanh thu:

Trong năm, để thu hồi được một phần nợ khó đòi, Công ty phải chấp nhận giảm giá hàng tiêu thụ đã bán từ năm 2006-2008 cho các đại lý ở các tỉnh miền Bắc, miền Trung với số tiền 296 triệu đồng.

4/ Giá vốn hàng bán:

4.1 Giá thành:

Giá thành bình quân tăng 1.737 đồng/m² so với năm 2008. Các khoản mục ảnh hưởng tăng gồm: Chi phí nhân công trực tiếp tăng 1.143 đồng, nhiên liệu tăng 838 đồng và khấu hao tăng 209 đồng. Khoản mục giảm 453 đồng gồm: Chi phí nguyên vật liệu, điện và chi phí sản xuất chung.

- Chi phí nhân công trực tiếp tăng do tăng mức lương đóng bảo hiểm xã hội từ 450.000 đồng lên 650.000 đồng cho người lao động. Mức lương tối thiểu của Nhà nước là 540.000 đồng được áp dụng từ đầu năm 2008 nhưng Công ty vẫn giữ mức 450.000 đồng để đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, năm 2009 Công ty quyết định đóng bổ sung lên mức 650.000 đồng. Phần chênh lệch tăng 450 triệu đồng đã làm tăng chi phí (trong đó phần đóng bổ sung cho năm 2008 là 235 triệu đồng)

Trong năm, việc ngừng sản xuất gián đoạn các dây chuyền sản xuất, chế độ nghỉ chờ việc cho người lao động vẫn phải giải quyết theo đúng chế độ. Số tiền 585 triệu đồng chi trả cho người lao động ngừng chờ việc (trong đó có 210 triệu đồng lương nghỉ chờ việc năm 2008) hạch toán vào đơn giá tiền lương năm 2009.

Kế hoạch tiền lương năm 2009 là 3.500 đồng cho 1 m² sản phẩm, trong khi đó thực hiện năm 2008 là 4.200 đồng/m². Đơn giá tiền lương xây dựng như vậy là không hợp lý khi giá cả các mặt hàng ngoài thị trường tăng mà giá lao động của Công ty lại giảm. Bên cạnh đó, tăng lương cũng nằm trong gói giải pháp kích cầu của Chính Phủ. Sản lượng sản xuất trong năm giảm, tăng chi phí tiền lương để bù đắp một phần trượt giá và đảm bảo mức sống tối thiểu cho người lao động là điều Công ty bắt buộc phải làm. Đó cũng là nguyên nhân tăng chi phí tiền lương trong năm 2009.

- Chi phí nhiên liệu tăng phải kể đến giá than Indo tăng 14% so với giá nhập năm 2008, bên cạnh đó dầu DO tăng liên tục trong năm và tháng 12 đạt đỉnh tăng 44% so với giá nhập vào thời điểm giữa tháng 4.

- Ngoài ra, sản lượng sản xuất không gia tăng, chi phí khấu hao luôn cố định cũng là nguyên nhân đẩy chi phí khấu hao tăng 209 đồng/m².

- Trong năm, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn về vốn, việc tìm nguyên liệu đầu vào với giá rẻ, chất lượng tốt và việc tiết kiệm định mức tiêu hao nguyên liệu, điện, khắc phục máy móc hư hỏng trong khâu sản xuất đã được Công ty thực hiện tốt (giảm 453 đồng/m² chi phí giá thành).

4.2 Giá vốn:

Giá vốn hàng bán trong năm của Công ty cao hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng lỗ 12 tỉ. Giá vốn hàng bán tăng do giá thành tăng, bên cạnh đó giá vốn hàng bán còn chịu ảnh hưởng bởi việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Với xu hướng sản phẩm gạch ceramic đang có chiều hướng giảm và giảm mạnh khi trên thị trường đã xuất hiện dòng sản phẩm cấp thấp với giá mềm được người tiêu dùng lựa chọn. Việc trích lập dự phòng phần giá trị tồn thất do giá bán thành phẩm tồn kho đang có

chiều hướng giảm trong tương lai bắt buộc Công ty phải trích lập theo quy định, mặt khác còn phản ánh giá trị thực thành phẩm tồn kho hiện có của Công ty. Tổng giá trị trích lập dự phòng là 4,6 tỉ đồng đã làm tăng giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên cạnh đó, chi phí tiền lương tăng 4,2 tỉ đồng; chi phí phân bổ dài hạn, trích bổ sung khấu hao tài sản thuê tài chính 500 triệu đồng; lỗ 3 tỉ đồng từ việc bán than cám không sử dụng (giá tồn năm 2008 cao bằng với giá than cục) và giá trị gạch bể vỡ năm 2008 được phép tính vào tỷ lệ hao hụt tồn kho là 226 triệu đồng đều hạch toán trực tiếp tăng giá vốn hàng bán trong năm 2009.

5/ Chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý:

So sánh tổng chi phí tài chính và chi phí bán hàng năm 2009 đều giảm so với năm 2008. Nhưng do sản lượng tiêu thụ giảm mạnh trong năm 2009 nên xét trên đơn vị m² sản phẩm tiêu thụ qua từng năm thì chi phí tài chính, chi phí bán hàng tăng. Cụ thể:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2008	Thực hiện năm 2009	Tăng, giảm
Chi phí tài chính	Đồng/m ²	6.552	8.726	+2.174
Chi phí bán hàng	"	1.234	1.566	+332
Chi phí quản lý	"	1.070	5.552	+4.482

5.1 Chi phí tài chính:

Năm 2009, mặc dù được ngân hàng cho vay vốn hỗ trợ lãi suất (4% tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế), Công ty vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc giải ngân, vì khoản vay này đòi hỏi phải đáp ứng đủ điều kiện vay vốn hỗ trợ lãi suất theo quy định. Số lãi vay được hỗ trợ trong năm là 1 tỉ đồng phần nào giúp Công ty giảm được chi phí vốn trong kinh doanh. Bên cạnh đó, 55% nợ vay của Công ty là khoản vay lãi suất cao, khoản vay này chủ yếu là vay đầu tư các dây chuyền sản xuất gạch ceramic. Trong đó, có số nợ vay vốn lãi suất lên tới 2%/tháng (tính cả gốc và lãi) đã đẩy chi phí lãi vay của Công ty tăng cao.

5.2 Chi phí bán hàng:

Trong năm, tình hình tiêu thụ trong nước còn chậm, Công ty đã đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm sang các nước như Yemen, Thái Lan, Korea, Cambodia, Pakistan, ... Sản lượng xuất khẩu tăng 63% so với năm trước, doanh thu xuất khẩu chiếm 26% tổng doanh thu (năm 2008 là 10%). Do vậy, chi phí xuất khẩu tăng tương ứng. Bên cạnh đó, các chi phí bán hàng khác tăng do sản lượng tiêu thụ thấp.

5.3 Chi phí quản lý:

Chi phí quản lý tăng cao, trong đó phải kể đến chi phí thuê đất và chi phí dự phòng. Khoản thuê đất Tân Bình năm 2008 là 188 triệu đồng hạch toán bổ sung trong năm nay, chi phí này năm trước thuộc dự án đầu tư khu phức hợp VITALY, nhưng do dự án vẫn chưa thực hiện, Công ty chuyển sang tăng chi phí trong năm hiện hành. Tiền chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động khi Công ty ngừng sản xuất gián đoạn các dây chuyền (thực chi 685 triệu đồng, tăng 307 triệu đồng so với năm 2008) đã làm chi phí dự phòng biến động tăng. Bên

cạnh đó, tăng nhiều nhất trong chi phí quản lý và làm ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh là việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ của khách hàng từ những năm tài chính trước chưa trích lập là 5,4 tỉ đồng.

6/ Hoạt động khác:

Trong năm, Công ty đã bán thanh lý một số tài sản không sử dụng để bổ sung vốn lưu động còn thiếu trong sản xuất. Hoạt động này không thường xuyên nên không thể đánh giá hiệu quả kinh doanh của năm tài chính 2009. Bên cạnh đó còn có một số chi phí của năm trước làm ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty trong năm này. Đó là: Chi phí lãi phạt chậm trả cho người bán, phạt và truy thu thuế do sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, chi phí đền bù kênh Tham Lương với tổng số tiền lên tới 860 triệu đồng.

Chi tiết cụ thể về hoạt động khác như sau:

Thanh lý tài sản	:	- 252 triệu đồng
Thu nhập bán tài sản gắn liền với đất	:	4.223 triệu đồng
Phạt chậm nộp BHXH, BHYT, môi trường	:	- 88 triệu đồng
Phạt vi phạm thuế (năm 2005)	:	- 155 triệu đồng
Phạt lãi, phạt chậm trả người bán (2007-2008)	:	- 226 triệu đồng
Đền bù kênh Tham Lương không được duyệt (năm 2008)	:	<u>- 480 triệu đồng</u>

Tổng cộng : 3.022 triệu đồng

7/ Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm 2009 tăng do Công ty bán bất động sản đầu tư là cửa hàng và kho gắn liền trên đất tại địa chỉ 271 Kinh Dương Vương, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh.

➤ **TÓM LẠI:** Kết quả kinh doanh năm 2009 của Công ty lỗ 34,564 tỉ đồng, trong đó phải kể đến những yếu tố khách quan như thị trường tiêu thụ bị giảm sút, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành, Mặt khác, vốn lưu động bị mất cân đối kéo theo những khó khăn mà Công ty phải đối mặt đó là: thiếu vốn trong sản xuất, mất lòng tin từ nhà cung cấp, ngân hàng siết nợ, nợ phải thu không có khả năng thanh toán, hàng hóa tồn kho,

Số lỗ tiềm ẩn của năm 2008 chuyển qua năm 2009 là 10,465 tỉ đồng, tóm tắt cụ thể như sau:

- Chênh lệch gạch lựa lại	:	50 triệu đồng
- Giảm giá hàng bán	:	296 triệu đồng
- Đóng chênh lệch tăng BHXH	:	235 triệu đồng
- Chi trả lương ngừng chờ việc	:	210 triệu đồng
- Gạch bể vỡ	:	226 triệu đồng
- Lỗ bán nguyên liệu than cám	:	3.000 triệu đồng
- Tiền thuê đất Tân Bình	:	188 triệu đồng
- Trích lập dự phòng nợ khó đòi	:	5.400 triệu đồng
- Truy thu thuế, đền bù kênh Tham Lương	:	<u>860 triệu đồng</u>

Tổng cộng : 10.465 triệu đồng

Số lỗ thực năm 2009 còn lại là 24,099 tỉ đồng, gồm:

- Lợi nhuận gộp từ bán hàng	:	- 8.163 triệu đồng
<i>(Lợi nhuận gộp giảm chủ yếu do trích lập dự phòng hàng tồn kho và tăng đơn giá tiền lương)</i>		
- Doanh thu hoạt động tài chính	:	1.398 triệu đồng
- Chi phí tài chính	:	- 14.195 triệu đồng
- Chi phí bán hàng	:	- 2.548 triệu đồng
- Chi phí quản lý	:	- 3.443 triệu đồng
- Lợi nhuận khác	:	3.883 triệu đồng
- Chi phí TNDN hiện hành	:	-1.031 triệu đồng
Tổng cộng	:	24.099 triệu đồng

C. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

Năm 2009 là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam và có ảnh hưởng rất lớn đến ngành sản xuất vật liệu xây dựng. Những gói kích cầu của Chính phủ đã giúp các doanh nghiệp phần nào thoát khỏi cơn bế tắc trong sản xuất kinh doanh.

Đối mặt với những khó khăn, Công ty Cổ phần VITALY đã cân nhắc, tính toán rất cụ thể từng chi phí ảnh hưởng tới các chỉ tiêu kế hoạch. Sau đây là một số các chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2010
1	Doanh thu	Tr.đồng	176.253
2	Lợi nhuận trước thuế	“	(17.419)
3	Sản lượng sản xuất và tiêu thụ:		
	Sản xuất	m ²	3.720.000
	Tiêu thụ	m ²	3.920.000

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán do CTY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT (VIETVALUES) đảm nhiệm theo hợp đồng và kết quả kiểm toán được đăng tải trên Website:

<http://www.vitaly.com.vn> gồm:

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán
- Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009
- Kết quả kinh doanh năm 2009
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2009

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN:**1. Ý kiến của Kiểm toán viên trong báo cáo kiểm toán:**

- Trong năm Công ty đã ngưng trích khấu hao của dây chuyền sản xuất, cụ thể như sau:
 - + Dây chuyền số 1 và số 2 từ tháng 1 đến tháng 6 và từ tháng 9 đến tháng 12 với tổng chi phí khấu hao ước tính của 2 dây chuyền là 5.756.629.821 đồng, theo Quyết định số 01A/QĐ-HĐQT ngày 31/01/2008 và Quyết định số 14A/QĐ-HĐQT ngày 28/08/2009 về việc tạm ngừng sản xuất của những dây chuyền này trong những tháng trên.
 - + Dây chuyền số 3, số 4 trong tháng 1, tháng 9 và tháng 10 theo Quyết định số 07A/QĐ-HĐQT ngày 15/11/2008 và Quyết định số 14B/QĐ-HĐQT ngày 28/08/2009, dây chuyền số 5 trong suốt cả năm theo Quyết định số 02B/QĐ-HĐQT ngày 20/04/2009 về việc tạm ngừng sản xuất của những dây chuyền này trong những tháng trên, với tổng chi phí khấu hao ước tính của 3 dây chuyền là 8.311.648.261 đồng.
 - + Ngoài ra, Công ty cũng ngưng trích khấu hao của hệ thống hồ than nước và khí hoá than trong tháng 1, tháng 9 và tháng 10 với tổng chi phí khấu hao ước tính là 904.168.568 đồng (trong đó hồ than nước là 414.612.031 và lò khí hoá than là 489.556.537 đồng). Phương tiện vận chuyển thuộc bộ phận quản lý đơn vị cũng ngưng trích khấu hao với chi phí ước tính là 22.849.318 đồng.
- Như vậy, tổng chi phí khấu hao ước tính đơn vị chưa trích vào chi phí là 14.995.295.968 đồng
- Thuyết minh mục 5.9, giá trị còn lại của thương hiệu FICO và lợi thế thương mại khi cổ phần hoá Công ty phân bổ với thời gian là 20 năm. Tổng chi phí phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm nay chưa phân bổ ước tính là 3.881.973.853 đồng (theo quy định hiện hành thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm từ năm tài chính 2007)

Như vậy, tổng hợp các yếu tố trên (nếu trích khấu hao khi đơn vị ngừng sản xuất và phân bổ thương hiệu FICO, lợi thế thương mại trong 3 năm theo quy định) thì số lỗ sau thuế trên báo cáo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (34.564.660.340) đồng sẽ thành (53.441.930.161) đồng.

2. Giải trình ý kiến kiểm toán:

- Như đã đề cập ở phần báo cáo của Hội đồng Quản trị: Việc di dời tháo dỡ máy móc thiết bị dây chuyền 1, 2 lên lắp đặt tại Bình Dương; Quyết định ngừng sản xuất 05 dây chuyền trong từng thời điểm nhằm giảm ứ đọng hàng tồn kho, ứ đọng vốn trong sản xuất nếu vẫn trích khấu hao vào chi phí thì khoản lỗ khi trích khấu hao này không hợp lý khi doanh nghiệp đang tạm ngừng hoạt động.

- Thương hiệu FICO và lợi thế thương mại khi cổ phần hoá Công ty phân bổ với thời gian là 20 năm bằng với thời gian khấu hao tài sản vô hình. Thực chất đây là khoản chi phí khi chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần, Công ty không dùng thương hiệu FICO gắn với tên công ty để quảng bá hoặc giới thiệu sản phẩm

cũng như việc có được khoản lợi thế từ kinh doanh ngành sản xuất gạch ceramic trong giai đoạn cung vượt cầu như hiện nay.

Do vậy, Công ty không tính các chi phí trên vào năm tài chính hiện hành. Hiệu quả kinh doanh trong năm nếu phản ánh đúng theo qui định thì cũng cần phải được nhìn nhận lại khi xét tới các yếu tố khách quan và những qui định không còn phù hợp mà doanh nghiệp phải đương đầu.

3. Kiểm toán nội bộ: Không có.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- 1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức :** Không có
- 2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức:** Không có.
- 3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:** Không có.
- 4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:** Không có

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức niêm yết:

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát;
- Ban Điều hành: (Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng);
- Phòng Tài chính – Kế toán;
- Phòng Tổ chức-Hành chính;
- Phòng Kế hoạch vật tư;
- Phòng Kỹ thuật;
- Phân xưởng cơ điện;
- Phân xưởng sản xuất (04 Phân xưởng).

2. Các cá nhân trong Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Ông Trần Công Hạnh	Tổng Giám đốc	16/04/2009	-
2. Ông Võ Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	28/04/2009	
3. Bà Đinh Thị Hằng	Phó Tổng Giám đốc	06/08/2009	
4. Ông Lê Viết Lộc	Phó Tổng Giám đốc	16/04/2009	19/11/2009

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng lao động tại 31/12/2009: 374 lao động.

- Thu nhập bình quân người lao động: 2.924.000 đồng/người-tháng.
- Công ty thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động để người lao động yên tâm công tác. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian qui định mỗi tháng hai kỳ vào đầu mỗi tháng và giữa mỗi tháng.
- Các chính sách về tiền thưởng như thưởng nhân dịp lễ, tết, thưởng tháng 13, thưởng sáng kiến, thưởng tiết kiệm ... được công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động.
- Các chế độ chính sách về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế: công ty chưa bảo đảm đúng quy định do tổng nợ các khoản trích nộp BHXH còn chậm và thiếu, nên việc xác nhận sổ BHXH cho người lao động đến thời điểm này vẫn chưa thực hiện được.
- Các trang thiết bị an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng, riêng quần áo bảo hộ lao động chưa trang bị kịp thời do khó khăn về mặt tài chính.
- Chế độ ăn giữa ca vẫn duy trì và đảm bảo giá trị.

4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát:

Trong năm 2009 có sự thay đổi thành viên Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Bổ nhiệm Ô. Võ Văn Tùng – Phó Tổng Giám đốc.
- Bổ nhiệm Bà Đinh Thị Hằng – Phó Tổng Giám đốc.
- Miễn nhiệm Ô. Lê Viết Lộc - Phó Tổng Giám đốc

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

a. Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Ông Lê Minh Đức	Chủ tịch	16/04/2009	-
2. Ông Trần Công Hạnh	Ủy viên	16/04/2009	-
3. Ông Nguyễn Quang Tài	Ủy viên	16/04/2009	-
4. Ông Lê Viết Lộc	Ủy viên	16/04/2009	-
5. Bà Đặng Nam Liên	Ủy viên	16/04/2009	-

b. Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Ông Đặng Xuân Long	Trưởng ban	16/04/2009	-
3. Bà Đào Thị Thoán	Thành viên	16/04/2009	-
4. Bà Trương Thị Kim Yến	Thành viên	16/04/2009	-

c. Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2009:

- Công tác điều hành : HĐQT đã tổ chức 7 phiên họp.
- Công tác sản xuất kinh doanh: Thông qua kế hoạch sản xuất năm 2009 và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các chủ trương của HĐQT.
- Công tác khác: Yêu cầu Ban Điều hành thực hiện các ý kiến về việc cố gắng duy trì sản xuất, hạn chế thấp nhất thời gian ngừng chuyên, chờ việc. Chú trọng quan tâm tới lợi ích người lao động, sớm đưa các dây chuyền ngừng sản xuất đi vào hoạt động, giúp người lao động có công việc ổn định, mặt khác giải quyết đúng chính sách chế độ đối với những lao động nghỉ việc, mất việc làm.

d. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2009:

- Kiểm tra chứng từ gốc thu, chi và các khoản chi phí, kiểm tra việc thực hiện quy chế tiền lương năm 2009 sau khi kết thúc năm tài chính hiện hành.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2009.
- Thẩm định báo cáo của HĐQT về việc đánh giá công tác quản lý kinh doanh năm 2009 trước khi trình ĐHCĐ.
- Kiến nghị Ban Tổng Giám đốc có những biện pháp quản lý như:
 - + Rà soát đánh giá chất lượng lao động tại công ty và có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao tay nghề người lao động.
 - + Công ty nên mở rộng thị trường và có những định hướng chiến lược để phát triển công ty trong những năm tiếp theo.

e. Các hoạt động phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát với Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện các cuộc họp HĐQT đều mở rộng có Ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của HĐQT đều được chuyển sang Ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT và điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
- Thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Vitaly đã được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt kiểm toán.
- Trong năm 2009 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã không hoàn thành kế hoạch đề ra theo số liệu báo cáo.
- Thường xuyên trao đổi cùng HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính cũng như việc tuân thủ Điều lệ, Quy chế trong hoạt động của Công ty.

f. Quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

Tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát chỉ hưởng thù lao theo công việc phục vụ cho Công ty. Không có thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nào có những quyền lợi riêng về giao dịch kinh doanh của họ với công ty.

g. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị: Tổng Công ty VLXD số 1 tỷ lệ nắm giữ cổ phần từ 25% nâng lên 36%.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại ngày 26/04/2010

a. Thông tin chung về cơ cấu cổ đông:

STT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I.	Trong nước	2.000	5.968.940	99,48%
1	Cá nhân	1.974	3.780.455	63,01%
2	Tổ chức	26	2.188.485	36,47%
II.	Nước ngoài	27	31.060	0,52%
1	Cá nhân	24	21.960	0,37%
2	Tổ chức	3	9.100	0,15%
	Tổng cộng	2.027	6.000.000	100,00%

b. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Vật Liệu Xây Dựng số 1	9-19 Hồ Tùng Mậu, Q.1, TP.HCM	2.160.000	36,00%
2	Lê Văn Phúc	31 Nguyễn Văn Cừ, P.13, Q.8, TP.HCM	255.675	4,26%
3	Trần Thị Thanh Thúy	17-19C Trường Sơn, P.15, Q.10	72.200	1,20%
	Tổng cộng		2.487.875	41,46%

Tình hình giao dịch liên quan của các cổ đông lớn: Tổng Công ty VLXD số 1 mua thêm 660.000 cổ phần nâng số cổ phần sở hữu từ 1.500.000 cp lên 2.160.000 cp.

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2009 Công ty chuyển tất cả các thông tin đến các Cổ đông.

Trân trọng!

Tp. HCM, ngày 20 tháng 06 năm 2010

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)

LÊ MINH ĐỨC